

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI

Năm học 2015 – 2017

Chuyên ngành: Trang điểm

- 1. Cơ biểu cảm trên khuôn mặt có bao nhiêu cơ?**
 - a. 12 cơ
 - b. 30 cơ
 - c. 14 cơ
 - d. 16 cơ

- 2. Cơ biểu cảm liên quan đến trang điểm là bao nhiêu cơ?**
 - a. 10 cơ
 - b. 14 cơ
 - c. 30 cơ
 - d. 11 cơ

- 3. Góc độ chiếu sáng của ánh sáng là bao nhiêu độ thì sẽ tạo cho khuôn mặt nhiều lập thể nhất?**
 - a. 0 độ
 - b. 15 độ
 - c. 45 độ
 - d. 30 độ

- 4. Con người biểu hiện cảm xúc trên khuôn mặt thông qua hệ thống nào?**
 - a. Các đường nét trên khuôn mặt.

- b. Các cơ biểu cảm.
- c. Các cấu trúc trên bề mặt da.
- d. Các xương trên vùng mặt.

5. Tên gọi nào sau đây không thuộc các vùng trên khuôn mặt?

- a. Vùng thái dương.
- b. Vùng rìa khuôn mặt.
- c. Vùng ót.
- d. Vùng khóe miệng.

6. Trên cơ thể người thì vùng mặt gồm có bao nhiêu xương?

- a. 11 xương.
- b. 29 xương.
- c. 10 xương.
- d. 30 xương.

7. Trên vùng mặt có bao nhiêu xương liên quan đến trang điểm?

- a. 11 xương.
- b. 29 xương.
- c. 10 xương.
- d. 30 xương.

8. Đây là những điểm cần lưu ý trong tác phong khi trang điểm?

- a. Tháo nhẫn, lắc, đồng hồ.. trước khi tiến hành trang điểm.
- b. Cắt ngắn móng tay và không mang giày cao gót.
- c. Cột tóc gọn gàng.

d. Tất cả các câu trên đều đúng.

9. Da có bao nhiêu lớp?

- a. 5 lớp.
- b. 2 lớp.
- c. 3 lớp.
- d. 4 lớp.

10. Những thành phần nào sau đây không nằm trong lớp biểu bì?

- a. Tế bào hạt.
- b. Melanine.
- c. Elastine.
- d. NMF

11. Độ dày của lớp biểu bì là bao nhiêu?

- a. 0,2 mm.
- b. 2 mm.
- c. 0,02 mm.
- d. 20 mm.

12. Các tế bào ở lớp biểu bì thay đổi hình dạng và di chuyển lên trên bong tróc ra ngoài gọi là quá trình gì?

- a. Lão hóa.
- b. Tế bào hóa.
- c. Sừng hóa.
- d. Oxy hóa.

13. Cách giải thích nào sau đây về biểu bì là đúng?

- a. Biểu bì được tạo thành từ lớp tế bào đáy.
- b. Biểu bì được phân thành 4 lớp tế bào chính.
- c. Biểu bì có tác dụng tạo sự đàn hồi và săn chắc da.
- d. Biểu bì được liên kết trực tiếp với các cơ quan cấu tạo dưới da.

14. Thành phần nào sau đây có trong lớp Thân bì?

- a. Tế bào sống.
- b. Tế bào gai.
- c. Collagen.
- d. Melanine.

15. Chu kỳ tái tạo da thường diễn ra trong bao nhiêu ngày?

- a. 28 ngày.
- b. 20 ngày.
- c. 3 tuần.
- d. 20 ngày.

16. Thành phần cấu tạo Collagen và Elastine trong lớp Thân bì là bao nhiêu %?

- a. 30%
- b. 50%
- c. 90%
- d. 70%

17. Chức năng chính của lớp Thân bì là gì?

- a. Cung cấp độ ẩm.
- b. Bảo vệ da.
- c. Đàn hồi và săn chắc.
- d. Sản sinh ra tế bào để tái tạo da.

18. Độ kiềm trung bình của da sẽ là bao nhiêu?

- a. 1 - 14 pH
- b. 4,6 - 6 pH
- c. 4,6 - 6,5 pH
- d. 1 - 10 pH

19. Da không có chức năng nào sau đây?

- a. Hấp thụ.
- b. Điều hòa thân nhiệt.
- c. Hô hấp.
- d. Bài tiết.

20. Da được chia làm mấy loại?

- a. 5 loại.
- b. 4 loại.
- c. 6 loại.
- d. 3 loại.

21. Biểu hiện nào sau đây là đặc tính của da nhờn?

- a. Da mịn.
- b. Ít mụn.

- c. Da mỏng, dễ bong tróc.
- d. Lỗ chân lông to.

22. Da khô thì lượng NMF trên da sẽ là bao nhiêu %?

- a. <10%
- b. 10% -> 15%
- c. 15% -> 20%
- d. > 20%

23. Da thường có đặc tính như thế nào?

- a. Da khô và thỉnh thoảng bong tróc vảy.
- b. Đường rãnh trên da nhỏ, da ít bị khô và bóng nhờn.
- c. Sức đề kháng với tác động môi trường yếu.
- d. Khó bám mỹ phẩm.

24. Loại da nào dễ bám bẩn và làm trôi mỹ phẩm?

- a. Da thường.
- b. Da khô.
- c. Da nhạy cảm.
- d. Da nhờn.

25. Vùng da nào mỏng nhất trên toàn bộ cơ thể?

- a. Da cổ.
- b. Da dưới cánh tay.
- c. Da mặt.
- d. Da mắt.

26. Trong các tia UV sau, tia nào có khả năng gây ra hiện tượng nám da do tích tụ melanin?

- a. Tia UVA.
- b. Tia UVB.
- c. Tia UVC.
- d. Cả 2 tia UVA và tia UVB.

27. Da gồm có bao nhiêu loại?

- a. 2 loại.
- b. 5 loại.
- c. 4 loại.
- d. 3 loại.

28. Hãy kể tên từng loại da?

- a. Da nhờn, da thường, da khô, da hỗn hợp.
- b. Da nhờn, da mụn, da khô, da hỗn hợp, da thường.
- c. Da nhờn, da bị nóng, da bị mụn.
- d. Da dị ứng, da nhờn, da khô, da thường.

29. Hãy kể tên các loại da có lượng nước tiết ra trên da từ 10% đến 20%?

- a. Da nhờn, da hỗn hợp.
- b. Da thường, da hỗn hợp.
- c. Da nhờn, da khô.
- d. Da nhờn, da thường.

30. Đặc tính nào sau đây là của da hỗn hợp?

- a. Da rất dễ trang điểm.
- b. Tập hợp các đặc tính của da dầu và da khô .
- c. Lỗ chân lông to khắp mặt.
- d. Bong tróc da khắp mặt.

31. Dòng sản phẩm nào sau đây không phải trong nhóm Cleansing?

- a. Point make remover.
- b. Foam.
- c. Clay off.
- d. Cream.

32. Công dụng của mặt nạ dạng cream?

- a. Giúp làm mát và mịn da.
 - b. Giúp cung cấp dinh dưỡng nuôi dưỡng da.
 - c. Giúp làm sạch da.
 - d. Giúp hút sạch các chất dư và bã nhờn sâu dưới lỗ chân lông.
- a. chống việc mất nước.
 - b. Để cải thiện các làn da có vấn đề về lão hóa.

**33. Loại kem có cảm giác mát lạnh trên da thường chứa bao nhiêu %
dầu trong sản phẩm?**

- a. 30%
- b. 10%
- c. 50%

d. 40%

34. Hãy chọn câu giải thích đúng về nước mỹ phẩm màu đỏ?

- a. Làm cho da có độ bóng và ẩm ướt.
- b. Làm se khít lỗ chân lông, phòng chống trôi mỹ phẩm và kiểm soát lượng nhờn tiết ra trên bề mặt da.
- c. Làm mềm da và làm sạch lớp tế bào sừng.
- d. Làm dịu những vết nóng và bỏng đỏ trên da mặt.

35. Những sản phẩm nào sau đây dùng cho vùng mắt và môi?

- a. Oil type.
- b. Cream type.
- c. Lotion type.
- d. Point type.

36. Nhũ tương và kem có chức năng ngăn sự bốc hơi nước của da và bảo vệ da khỏi bị gì bởi các yếu tố bên ngoài?

- a. Tác động.
- b. Bảo vệ.
- c. Hấp thụ.
- d. Phản xạ.

37. Loại mặt nạ nào sử dụng sau khi chăm sóc da để thẩm thấu dưỡng chất vào da?

- a. Peeling.
- b. Clay off.

- c. Cream.
- d. Gel.

38. Loại mặt nạ nào hấp thụ những vết dơ dưới lỗ chân lông và có tính năng hút nhờn làm da mặt khô thoáng?

- a. Peeling.
- b. Clay off.
- c. Cream.
- d. Gel.

39. Hãy lựa chọn nhóm sản phẩm nào dưới đây có thể tẩy trang và làm sạch các vết dơ của foundation, mồ hôi, chất nhờn và bụi bám trên bề mặt da?

- a. Lotion.
- b. Mặt nạ.
- c. Cleansing.
- d. Serum.

40. Bước Cleansing có tác dụng như thế nào trên da?

- a. Làm sạch và bảo vệ da.
- b. Kích thích tái tạo da.
- c. Làm săn chắc da.
- d. Thúc đẩy quá trình tái tạo da.

41. Trong thao tác kỹ thuật tẩy trang cho vùng mắt phải sử dụng ngón tay nào?

- a. Ngón trỏ.
- b. Ngón cái.
- c. Ngón giữa.
- d. Ngón út.

42. Trong thao tác kỹ thuật tẩy trang Oil cleansing phải sử dụng ngón tay nào?

- a. Ngón trỏ.
- b. Ngón cái.
- c. Ngón giữa.
- d. Ngón út.

43. Trong kỹ thuật tẩy trang Oil cleansing phải sử dụng bao nhiêu miếng cotton?

- a. 1 miếng cotton.
- b. 2 miếng cotton.
- c. 3 miếng cotton.
- d. 4 miếng cotton.

44. Câu nào không đúng với tác phong của chuyên viên trước khi trang điểm?

- a. Móng tay không để quá dài.
- b. Mang giày cao gót.
- c. Không đeo trang sức.

d. Tóc cột gọn gàng.

45. Thao tác nào là cách vỗ đúng trong bước Patting?

- a. Vỗ nhẹ theo hướng từ dưới lên để tạo ra gió.
- b. Vỗ mạnh để rung cơ mặt.
- c. Vỗ và kéo.
- d. Vỗ và áp các ngón tay trên mặt.

46. Sản phẩm tẩy trang nào khi kết hợp với nước sẽ hóa nhũ?

- a. Lotion.
- b. Oil.
- c. Cream.
- d. Milk.

47. Sản phẩm nào sau đây sử dụng trong bước Patting?

- a. Nước hoa hồng.
- b. Kem.
- c. Nước tẩy trang.
- d. Serum.

48. Trên khuôn mặt vùng nào thực hiện được thao tác vỗ nhẹ trong kỹ thuật Patting?

- a. Vùng mắt, vùng má.
- b. Vùng miệng, vùng má.
- c. Vùng má, vùng trán.
- d. Vùng mũi, vùng trán.

49. Chọn câu nào đúng nhất trong bước Protecting?

- a. Giữ ẩm, bảo vệ da và chống mất nước.
- b. Chống khô, bong tróc da.
- c. Chống kích ứng da.
- d. Giảm hiện tượng bóng nhờn trên da.

50. Chọn các loại sản phẩm sử dụng cho bước Aqua pack?

- a. Bông tẩy trang và nước
- b. Bông tẩy trang, sữa dưỡng và nước.
- c. Bông tẩy trang, nước hoa hồng và nước.
- d. Khăn giấy, nước hoa hồng và nước.

51. Đâu không phải là chức năng của bước skin care trước khi trang điểm?

- a. Giúp se khít lỗ chân lông và cung cấp nước cho da.
- b. Giúp giữ ẩm cho da.
- c. Giúp da mặt khô thoáng trước khi trang điểm.
- d. Giúp da không bị bong tróc khi trang điểm lớp nền.

52. Khi thực hiện thao tác Oil cleansing cần lưu ý điều gì?

- a. Sử dụng sản phẩm nào cũng được.
- b. Sử dụng ngón giữa.
- c. Sử dụng sản phẩm dầu tẩy trang.
- d. Sử dụng lotion.

53. Để tạo được mỹ phẩm hóa nhũ thì cần sử dụng các bước như thế nào là đúng?

- a. Sử dụng dầu tẩy trang kết hợp với nước.
- b. Sử dụng lotion tẩy trang và nước.
- c. Sử dụng sữa tẩy trang kết hợp với nước.
- d. Sử dụng nước hoa hồng và nước.

54. Khi thực hiện bước chăm sóc đặc biệt Aqua pack cần lưu ý điều gì?

- a. Sử dụng hoàn toàn bằng nước hoa hồng.
- b. Chỉ sử dụng nước.
- c. Sử dụng nhiều miếng khăn giấy.
- d. Sử dụng cotton thấm đều nước và nước hoa hồng phù hợp, tách mỏng từng miếng cotton và đắp hết toàn mặt.

55. Khi thực hiện bước chăm sóc đặc biệt Aqua pack cần lưu ý điều gì?

- a. Không để mặt nạ quá 5 phút.
- b. Không để mặt nạ quá 2 phút.
- c. Không để mặt nạ quá 8 phút.
- d. Không để mặt nạ quá 10 phút.

56. Để thực hiện đúng kỹ thuật của thao tác Manipulation thì phải làm như thế nào?

- a. Gõ nhẹ bằng móng tay.
- b. Gõ nhẹ bằng ngón tay.
- c. Gõ nhẹ bằng đầu thịt của phần ngón tay.

d. Gõ nhẹ bằng bàn tay.

57. Khi thực hiện kỹ thuật Oil cleansng thì bước thứ nhất sẽ bắt đầu từ đâu?

- a. Từ trán.
- b. Từ cằm.
- c. Từ mắt.
- d. Từ cổ.

58. Khi thực hiện kỹ thuật Tissue off thì bước thứ nhất sẽ bắt đầu từ đâu?

- a. Từ trán.
- b. Từ cằm.
- c. Từ mắt.
- d. Từ cổ.

59. Chọn câu trả lời sai khi giải thích về kem lót (Make up Base)?

- a. Kem lót là lớp đầu tiên trong trang điểm nền.
- b. Kem lót có thể che những vết mẩn đỏ, mụn, nám.. trên bề mặt da bằng cách chọn những tông phù hợp.
- c. Giúp điều chỉnh sắc thái da.
- d. Tạo lập thể trên bề mặt da.

60. Để làm mờ các vết nám, thâm quầng, tàn nhang trên mặt, ta dùng Control color màu nào?

- a. Màu Yellow.

- b. Màu Green.
- c. Màu Blue.
- d. Màu Purple.

61. Với những làn da nhạy nhạt, tái xanh không được hồng hào, ta dùng Control color màu nào?

- a. Màu Yellow.
- b. Màu Pink.
- c. Màu Blue.
- d. Màu Purple.

62. Khi cần tạo độ trong suốt cho làn da mệt mỏi, xỉn màu, ta dùng Control color màu nào?

- a. Màu Green.
- b. Màu Pink.
- c. Màu Blue.
- d. Màu White.

63. Để làm mờ các vết mẩn đỏ như mụn, dị ứng, da mỏng, mẩn đỏ, ta dùng Control color màu nào?

- a. Màu green.
- b. Màu pink.
- c. Màu blue.
- d. Màu purple.

64. Để làm trẻ hóa những làn da bị lão hóa, thiếu sức sống, ta dùng Control color màu nào?

- a. Màu Yellow.
- b. Màu Pearl.
- c. Màu White.
- d. Màu Purple.

65. Để làm giảm độ lồi lõm hay hốc hác trên gương mặt, ta dùng Control color màu nào?

- a. Màu Yellow.
- b. Màu Pearl.
- c. Màu White.
- d. Màu Pink.

66. Để chọn màu Foundation thích hợp ta sẽ thử tông màu trên vùng nào?

- a. Trên vùng trán.
- b. Trên vùng gò má.
- c. Trên vùng quai hàm giữa mặt và cổ.
- d. Trên mu bàn tay.

67. Trong trang điểm để tạo lớp nền mặt mỏng và tự nhiên nên chọn loại Foundation ở dạng nào?

- a. Dạng nước.
- b. Dạng lỏng.

- c. Dạng thỏi.
- d. Dạng kem.

68. Trong trang điểm có bao nhiêu loại Foundation?

- a. 6 loại.
- b. 7 loại.
- c. 5 loại.
- d. 4 loại.

69. Dạng Foundation nào không phù hợp với da khô?

- a. Dạng liquid.
- b. Dạng powder.
- c. Dạng cake.
- d. Dạng stick.

70. Trên khuôn mặt vùng nào có thể đánh dày lớp foundation?

- a. Vùng trán.
- b. Vùng quanh mắt.
- c. Vùng gò má.
- d. Vùng quanh miệng.

71. Câu nào sau đây không phải là công dụng chính của bước Multicolor?

- a. Tạo khối lập thể trên khuôn mặt.
- b. Điều chỉnh độ sáng tối trên khuôn mặt.

- c. Sử dụng nhiều màu sắc để điều chỉnh các vấn đề của da như: tàn nhang, nám, mẩn đỏ.
- d. Điều chỉnh hình dáng của khuôn mặt.

72. Tên gọi nào sau đây không phải là kiểu đánh của bước Multicolor?

- a. Slim.
- b. Solid.
- c. Soft.
- d. Sharp.

73. Để tạo khuôn mặt trông đầy đặn và phức tạp nên sử dụng Multicolor kiểu nào?

- a. Kiểu Slim.
- b. Kiểu Solid.
- c. Kiểu Soft.
- d. Kiểu Sharp.

74. Trong nghệ thuật trang điểm Concealer có bao nhiêu loại ?

- a. 3 loại.
- b. 4 loại.
- c. 5 loại.
- d. 6 loại.

75. Loại concealer nào sau đây có thể dùng để che khuyết điểm cho các vùng rộng, tạo sự tự nhiên?

- a. Loại Cream.

- b. Loại Pencil.
- c. Loại Liquid.
- d. Loại Stick.

76. Loại concealer nào sau đây có độ che phủ cao và che mờ khuyết điểm hiệu quả nhất?

- a. Loại Cream.
- b. Loại Pencil.
- c. Loại Liquid.
- d. Loại Stick.

77. Trong nghệ thuật trang điểm Face powder có mấy loại?

- a. 3 loại.
- b. 4 loại.
- c. 5 loại.
- d. 6 loại.

78. Đáp án nào sau đây không phải là chức năng của face powder?

- a. Giúp lớp nền mịn màng và khô thoáng.
- b. Giúp giữ cố định lớp nền bền và lâu trôi.
- c. Giúp chống bóng nhờn.
- d. Giúp điều tiết tuyến nhờn và mồ hôi.

79. Loại da nào không nên dùng nhiều face powder khi trang điểm lớp nền?

- a. Da dầu.

- b. Da khô.
- c. Da hỗn hợp.
- d. Da nhạy cảm.

80. Loại màu mắt nào sau đây được sử dụng phổ biến và thông dụng nhất?

- a. Powder.
- b. Cream.
- c. Pressed.
- d. Cake.

81. Trong trang điểm muốn tạo đôi mắt to tròn thì màu nhấn phải nằm ở đâu trên mắt?

- a. Giữa mắt.
- b. Đầu mắt.
- c. Đuôi mắt.
- d. Dưới mắt.

82. Trong trang điểm muốn tạo đôi mắt dài thì màu nhấn phải nằm ở đâu trên mắt?

- a. Giữa mắt.
- b. Đầu mắt.
- c. Đuôi mắt.
- d. Dưới mắt.

83. Trong trang điểm eye line có mấy loại?

- a. 3 loại.
- b. 4 loại.
- c. 5 loại.
- d. 6 loại.

84. Loại eyeliner nào sau đây giúp tạo ấn tượng sắc nét cho mắt và không lem khi gặp nước?

- a. Pencil.
- b. Liquid.
- c. Cake.
- d. Cream.

85. Kiểu vẽ eyeliner nào sau đây phù hợp với người có mắt 2 mí?

- a. Natural.
- b. Natural và In Side.
- c. In Side và Out Side.
- d. Out Side.

86. Kiểu vẽ eyeliner nào sau đây phù hợp với người có mắt nhỏ, mắt bị sụp mí?

- a. Natural.
- b. Natural và Out Side.
- c. In Side.
- d. Out Side.

87. Câu trả lời nào sau đây không đúng khi mô tả về công dụng của mascara?

- a. Dùng uốn cong, làm dày và làm dài sợi mi.
- b. Giữ nếp và duy trì độ cong cho lông mi.
- c. Giúp làm lông mi đen hơn.
- d. Tạo sức cuốn hút cho đôi mắt.

88. Để tẩy trang sạch mascara, ta nên dùng mỹ phẩm tẩy trang nào?

- a. Dùng nước.
- b. Dùng Oil Cleansing.
- c. Dùng Milk cleansing.
- d. Dùng Point Cleansing.

89. Kiểu chân mày nào biểu hiện ấn tượng thanh thản, yên bình và hiền lành?

- a. Chân mày cong.
- b. Chân mày lưỡi mác.
- c. Chân mày ngang.
- d. Cả 3 đều sai.

90. Kiểu chân mày nào biểu hiện ấn tượng sắc sảo, góc cạnh rõ ràng?

- a. Chân mày cong.
- b. Chân mày lưỡi mác.
- c. Chân mày ngang.
- d. Cả 3 đều sai.

91. Kiểu chân mày nào biểu hiện ấn tượng năng động và trẻ trung?

- a. Chân mày cong.
- b. Chân mày lưỡi mác.
- c. Chân mày ngang.
- d. Cả 3 đều sai.

92. Trong trang điểm, có bao nhiêu loại son môi?

- a. 2 loại.
- b. 3 loại.
- c. 4 loại.
- d. 5 loại.

93. Kiểu đánh má hồng nào sẽ tạo cho khuôn mặt trông thanh mảnh, thon gọn?

- a. Kiểu Soft.
- b. Kiểu Slim.
- c. Kiểu Solid.
- d. Kiểu Sharp.

94. Kiểu đánh má hồng nào sẽ tạo cho khuôn mặt trông lập thể và sắc nét?

- a. Kiểu Soft.
- b. Kiểu Slim.
- c. Kiểu Solid.
- d. Kiểu Sharp.

95. Chọn câu đúng nhất khi giải thích về phong cách trang điểm Soft?

- a. Là kiểu trang điểm với các tông màu nhạt kết hợp với các đường thẳng.
- b. Là kiểu trang điểm nhẹ nhàng, các đường nét trang điểm trên khuôn mặt hầu hết là đường cong, tạo nét bầu bĩnh và đáng yêu.
- c. Là kiểu trang điểm nhẹ nhàng, các đường nét trên khuôn mặt hầu hết là các đường thẳng, kết hợp với các tông màu đậm để tạo nét quyến rũ cho khuôn mặt.
- d. Hợp với những khuôn mặt có đường nét rõ ràng.

96. Tỷ lệ chuẩn giữa chiều ngang và chiều dọc của mắt là bao nhiêu?

- a. Tỷ lệ 1 : 1,5
- b. Tỷ lệ 2 : 3
- c. Tỷ lệ 3 : 2
- d. Tỷ lệ 3 : 1

97. Phong cách trang điểm Fresh được tạo nên bởi các yếu tố nào trên khuôn mặt?

- a. Gương mặt ngắn, đường nét cong tròn.
- b. Gương mặt ngắn, đường nét thẳng và góc cạnh.
- c. Gương mặt dài, đường nét cong tròn.
- d. Gương mặt dài, đường nét thẳng và góc cạnh.

98. Phong cách trang điểm Cute được tạo nên bởi các yếu tố nào trên khuôn mặt?

- a. Gương mặt ngắn, đường nét cong tròn.
- b. Gương mặt ngắn, đường nét thẳng và góc cạnh.
- c. Gương mặt dài, đường nét cong tròn.
- d. Gương mặt dài, đường nét thẳng và góc cạnh.

99. Phong cách trang điểm Cool được tạo nên bởi các yếu tố nào trên khuôn mặt?

- a. Gương mặt ngắn, đường nét cong tròn.
- b. Gương mặt ngắn, đường nét thẳng và góc cạnh.
- c. Gương mặt dài, đường nét cong tròn.
- d. Gương mặt dài, đường nét thẳng và góc cạnh.

100. Phong cách trang điểm Elegant được tạo nên bởi các yếu tố nào trên khuôn mặt?

- a. Gương mặt ngắn, đường nét cong tròn.
- b. Gương mặt ngắn, đường nét thẳng và góc cạnh.
- c. Gương mặt dài, đường nét cong tròn.
- d. Gương mặt dài, đường nét thẳng và góc cạnh.

101. Chọn câu trả lời đúng với 3 màu chính của nguyên vật liệu?

- a. Magenta, Yellow, Green.
- b. Cyan, Magenta, Orange.
- c. Cyan, Magenta, Yellow.

d. Red, Green, Blue.

102. Trong trang điểm nếu “Độ sáng cao, Gam màu thấp” sẽ là tone gì?

- a. Light tone.
- b. Vivid tone.
- c. Soft tone.
- d. Pale tone.

103. Trong phong cách trang điểm Sweet sẽ sử dụng tông màu và đường nét nào sau đây là đúng?

- a. Tông màu lạnh và các đường cong.
- b. Tông màu lạnh và các đường thẳng.
- c. Tông màu nóng và các đường cong.
- d. Tông màu nóng và các đường thẳng.

104. Trong phong cách trang điểm Sporty sẽ sử dụng tông màu và đường nét nào sau đây là đúng?

- a. Sử dụng các tông màu nóng.
- b. Sử dụng các tông màu lạnh.
- c. Sử dụng các tông màu đối nghịch.
- d. Sử dụng các màu cùng tông.

105. Trong phong cách trang điểm Hard sẽ sử dụng tông màu và đường nét nào sau đây là đúng?

- a. Tông màu lạnh và các đường thẳng.
- b. Tông màu lạnh và các đường cong.

- c. Tông màu nóng và các đường cong.
- d. Tông màu nóng và các đường thẳng.

106. Trong trang điểm Feminine đường nét kỹ thuật sẽ như thế nào?

- a. Đường nét cong.
- b. Đường nét thẳng.
- c. Đường nét thẳng và cong phối hợp.
- d. Cả 3 câu trên đều sai.

107. Các tone màu nào sau đây được dùng trong phong cách trang điểm Feminine?

- a. Light tone.
- b. Vivid tone.
- c. Bright tone.
- d. Dark tone.

108. Các tone màu nào sau đây được dùng trong phong cách trang điểm Romantic?

- a. Pale tone và Bright tone.
- b. Pale tone và Vivid tone.
- c. Light tone và Bright tone.
- d. Ligh tone và Soft tone.

109. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh lãng mạn, nồng nàn như búp bê Pháp?

- a. Phong cách trang điểm Romantic.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Glamorous.
- d. Phong cách trang điểm Wild.

110. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh sang trọng và quyền rũ?

- a. Phong cách trang điểm Romantic.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Glamorous.
- d. Phong cách trang điểm Wild.

111. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh hoang dã, gợi cảm?

- a. Phong cách trang điểm Romantic.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Glamorous.
- d. Phong cách trang điểm Wild.

112. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh ngọt ngào, đáng yêu?

- a. Phong cách trang điểm Sweet.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Glamorous.
- d. Phong cách trang điểm Sporty.

113. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh khỏe khoắn và năng động?

- a. Phong cách trang điểm Sweet.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Glamorous.
- d. Phong cách trang điểm Sporty.

114. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh trẻ trung và tươi vui?

- a. Phong cách trang điểm Sweet.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Glamorous.
- d. Phong cách trang điểm Sporty.

115. Phong cách trang điểm nào sẽ tạo nên hình ảnh đằm thắm và dịu dàng?

- a. Phong cách trang điểm Sweet.
- b. Phong cách trang điểm Pop.
- c. Phong cách trang điểm Feminine.
- d. Phong cách trang điểm Romantic.

116. Hãy cho biết có bao nhiêu thời kỳ mà lịch sử ngành trang điểm đã trải qua?

- a. 3 thời kỳ.
- b. 1 thời kỳ.

- c. 4 thời kỳ.
- d. 5 thời kỳ.

117. Kiểu trang phục nào sau đây là phong cách thời trang thịnh hành của thập niên 1920?

- a. Xiết chặt vòng eo bằng áo cooc-xê.
- b. Váy ngắn mini.
- c. Quần jean.
- d. Trang phục rộng nối liền từ cổ xuống chân.

118. Hãy cho biết kiểu tóc nào thịnh hành ở thập niên 1920?

- a. Kiểu tóc ngắn.
- b. Kiểu tóc dài.
- c. Kiểu tóc xoắn nhẹ (Pop).
- d. Kiểu tóc cột đuôi ngựa.

119. Hãy cho biết kiểu môi nào thịnh hành ở thập niên 1920?

- a. Môi cong.
- b. Môi dày thuyền.
- c. Môi thẳng.
- d. Môi Flapper.

120. Hãy cho biết Marilyn Monroe là người phụ nữ đại diện nét quyến rũ trong thập niên nào sau đây?

- a. 1910's

- b. 1950's
- c. 1960's
- d. 1970's

121. Hãy cho biết nhân vật nào đại diện cho vẻ đẹp thánh thiện, cao quý, trong sáng như một nàng công chúa ở thập niên 1950?

- a. Marilyn Monroe.
- b. Hippy.
- c. Twiggy.
- d. Audrey Hepburn.

122. Hãy cho biết nhân vật nào đại diện phong cách trang điểm tiêu biểu trong thập niên 1930?

- a. Kate Moss.
- b. Audrey Hepburn.
- c. Clara Bow.
- d. Marlene Dietrich.

123. Trong những hình dáng chân mày sau, hãy cho biết hình dáng chân mày nào thịnh hành trong thập niên 1930?

- a. Ngang.
- b. Thẳng.
- c. Vòng cung.
- d. Lưỡi mác.

124. Hãy cho biết phong cách thời trang của thập niên 1930 là thời trang gì?

- a. Thời trang Militali.
- b. Thời trang rộng.
- c. Thời trang bó sát.
- d. Thời trang thể thao.

125. Hãy cho biết chất liệu nền nào sau đây sử dụng để đánh lớp nền trong trang điểm sân khấu Takarazuka?

- a. Dạng kem.
- b. Dạng Lỏng.
- c. Dạng thời.
- d. Dạng nước và bột.
- a. Màu đậm.

126. Hãy cho biết màu sắc má hồng nào dùng để trang điểm nhân vật nữ trong nghệ thuật sân khấu Takarazuka?

- a. Màu hồng.
- b. Màu cam.
- c. Màu nâu.
- d. Màu đậm.

127. Hãy cho biết thực hiện thao tác kỹ thuật đánh cọ nào sau đây đúng với kỹ thuật đánh nền trong trang điểm sân khấu Takarazuka?

- a. Thực hiện thao tác từ dưới lên.
- b. Thực hiện thao tác từ trong ra ngoài.

- c. Thực hiện thao tác theo hình ziczac.
- d. Thực hiện thao tác từ trên xuống.s

128. Hãy cho biết màu sắc trang điểm đường hóc mắt nào sau đây dùng để trang điểm nhân vật nam trong nghệ thuật sân khấu

Takarazuka?

- a. Màu hồng.
- b. Màu tím.
- c. Màu hồng và màu tím.
- d. Màu tím và màu nâu.

129. Hãy cho biết màu sắc trang điểm đường hóc mắt nào sau đây dùng để trang điểm nhân vật nữ trong nghệ thuật sân khấu

Takarazuka?

- a. Màu hồng.
- b. Màu tím.
- c. Màu hồng và màu tím.
- d. Màu tím và màu nâu.

130. Hãy cho biết đâu là nét đặc trưng cho trang điểm nhân vật nam trong nghệ thuật sân khấu Takarazuka?

- a. Có ria mép.
- b. Không có râu.
- c. Râu thật dài.
- d. Vẽ thêm phần rìa chân tóc và tóc mai.

131. Hãy cho biết trong trang điểm truyền thống Nhật “Kabuki” màu đỏ dùng cho vai diễn nào dưới đây?

- a. Vai diễn trẻ con.
- b. Vai phụ nữ trẻ.
- c. Vai ác.
- d. Vai trẻ, chính trực, mạnh mẽ.

132. Hãy cho biết nghệ thuật vẽ mặt Monster sẽ dựa vào đặc điểm gì trên khuôn mặt để vẽ?

- a. Cơ biểu cảm.
- b. Khối lập thể.
- c. Màu sắc.
- d. Da mặt.

133. Hãy cho biết sản phẩm foundation nào được sử dụng để làm lớp nền trong vẽ mặt Geisha?

- a. Dạng thỏi.
- b. Dạng cake.
- c. Dạng bột và nước.
- d. Dạng lỏng.

134. Hãy nêu rõ trình tự vẽ màu sắc nào sau đây là đúng dùng để vẽ chân mày trong vẽ mặt Geisha?

- a. Màu đen.
- b. Màu đỏ.

- c. Màu đen bên dưới, vẽ màu đỏ lên trên.
- d. Màu đỏ bên dưới, vẽ màu đen lên trên.

135. Hãy nêu rõ màu nào là màu chính dùng để trang điểm mắt cho Geisha?

- a. Màu đen.
- b. Màu đỏ.
- c. Màu Tím.
- d. Màu hồng.

136. Hãy cho biết kiểu vẽ mặt quỷ nào sử dụng nhiều màu xanh lá nhất trong tất cả bài face painting được học?

- e. Cat make.
- f. Monster.
- g. Frankenstein.
- h. Parrot.

137. Trong nghệ thuật vẽ mặt Kabuki những nhân vật anh hùng, dũng khí sử dụng màu nào để vẽ lên mặt?

- a. Đen.
- b. Đỏ.
- c. Hồng.
- d. Xanh.

138. Hãy cho biết mã số phần phủ powder 20 sử dụng trong những kiểu trang điểm vẽ mặt nào?

- a. Geisha.
- b. Takarazuka nam.

- c. Takarazuka nữ.
- d. Kabuki, geisha.

139. Hãy chọn ra câu trả lời đúng nhất khi nói về nghệ thuật vẽ mặt Kabuki:

- a. Trong vẽ mặt Kabuki, màu xanh dành cho những vai anh hùng.
- b. Trong vẽ mặt Kabuki, màu đỏ sẫm dành cho những vai anh hùng trẻ tuổi.
- c. Trong vẽ mặt Kabuki, màu đỏ tươi dành cho những vai quỷ dữ hút máu.
- d. Trong vẽ mặt Kabuki, màu xanh và màu nâu dành cho những vai người xấu, phản diện.

140. Hãy chọn ra loại màu vẽ nào pha loãng bằng nước rồi sử dụng để vẽ?

- a. Eye shadow.
- b. Aqua color.
- c. Pencil.
- d. Color cream.

141. Hãy cho biết chất liệu màu vẽ nào là khó sử dụng ?

- a. Eye shadow.
- b. Aqua color.
- c. Oil.
- d. Color cream.

142. Hãy chọn ra đường nét chủ đạo để thực hiện kỹ thuật vẽ cánh hoa hồng như thế nào?

- a. Đường nét thẳng.
- b. Đường nét cong.
- c. Đường zic-zắc.
- d. Đường đứt khoảng.

143. Hãy chọn ra màu sắc nào sau đây thông dụng khi vẽ tattoo?

- a. Đỏ.
- b. Tím.
- c. Đen.
- d. Vàng.

144. Trong những câu sau, câu nào đúng khi nói về vẽ body:

- a. Không được vẽ hoa trên cơ thể.
- b. Tattoo chỉ được vẽ trên tay.
- c. Có thể phối nhiều màu sắc trên 1 phạm vi vẽ trên cơ thể.
- d. Chỉ được vẽ hoa trên lưng.

145. Hãy cho biết loại cọ nào được dùng trong kỹ thuật vẽ hoa 2 màu?

- a. Cọ ren.
- b. Cọ tròn.
- c. Cọ vuông.
- d. Cọ nét.

- 146. Dạng sản phẩm nào sau đây sử dụng trong massage mặt?**
- a. Skin.
 - b. Cleansing oil.
 - c. Toner.
 - d. Massage oil.
- 147. Hồ sơ nào cần thiết trong quá trình tư vấn khách hàng?**
- a. Hồ sơ doanh thu.
 - b. Phiếu tư vấn.
 - c. Bảng lý lịch.
 - d. Cataloge.
- 148. Đây là phương pháp chiết xuất tinh dầu thông dụng nhất?**
- a. Chiết xuất bằng phương pháp ép.
 - b. Chiết xuất bằng phương pháp chưng cất.
 - c. Chiết xuất bằng dung môi.
 - d. Chiết xuất bằng chưng cất và dung môi.
- 149. Đây là điểm cần chú ý trong khi sử dụng tinh dầu xả?**
- a. Dị ứng với da thường.
 - b. Dị ứng với da nhờn.
 - c. Dị ứng với da khô.
 - d. Dị ứng với da mẫn cảm.
- 150. Loại tinh dầu nào sau đây không nên sử dụng khi ra nắng vì dễ biến thành độc tố khi tia UV tác động vào?**

- a. Tinh dầu hoa hồng.
- b. Tinh dầu trầm hương.
- c. Tinh dầu cúc La Mã.
- d. Tinh dầu cam.

151. Để tư vấn khách hàng tốt người chuyên viên phải như thế nào ?

- a. Thích cười tươi.
- b. Dáng đẹp.
- c. Hiểu được nguyện vọng mong muốn của khách hàng.
- d. Giọng nói dễ thương.

152. Trong marketing từ “when” mang ý nghĩa là ?

- a. Khi nào thực hiện, khi nào sản xuất.
- b. Thực hiện ở đâu, sản xuất ở đâu.
- c. Thực hiện cái gì, sản xuất cái gì.
- d. Làm thế nào để thực hiện, làm thế nào để sản xuất.

153. Phần trang điểm nào quan trọng nhất để tạo được hình ảnh cô dâu theo phong cách trong suốt?

- a. Trang điểm mắt và môi.
- b. Trang điểm lớp nền.
- c. Dùng concealer che hết viền môi và các khuyết điểm trên khuôn mặt.
- d. Tập trung trang điểm nhiều vào phần mắt.

154. Trong trang điểm cô dâu, để tạo độ trong suốt cho lớp nền, ta nên sử dụng control color màu nào?

- a. Purple.
- b. Blue.
- c. Green.
- d. Pearly.

155. Foundation để tạo lớp nền cô dâu trong suốt sử dụng dạng nào?

- a. Liquid.
- b. Cream.
- c. Stick.
- d. Cake.

156. Màu mắt chính sử dụng trong trang điểm cô dâu trong suốt?

- a. Hồng.
- b. Nâu.
- c. Vàng.
- d. Kem.

157. Trang điểm môi cho cô dâu trong suốt, nên sử dụng những loại son nào?

- a. Chỉ cần son bóng.
- b. Chỉ cần son dạng thỏi hoặc dạng kem.
- c. Kết hợp son dạng thỏi và dạng kem.
- d. Kết hợp son dạng thỏi hoặc dạng kem với son bóng.

158. Những phần nên thay đổi khi cần thay đổi kiểu trang điểm cho cô dâu trong ngày cưới?

- a. Kiểu đánh mắt.
- b. Màu mắt.
- c. Màu môi và má hồng.
- d. Mắt và má hồng.

159. Kiểu trang điểm cho người mẫu biểu diễn thời trang sẽ dựa trên yếu tố nào?

- a. Dựa trên đặc điểm trên khuôn mặt của từng người mẫu.
- b. Dựa trên tông màu chủ đạo của buổi biểu diễn.
- c. Dựa trên ý tưởng chủ đạo của bộ sưu tập.
- d. Dựa trên xu hướng trang điểm chung của thế giới.

160. Mục đích của trang điểm cho người mẫu biểu diễn là?

- a. Làm nổi bật bộ sưu tập của nhà thiết kế.
- b. Làm nổi bật nét đẹp của người mẫu.
- c. Làm nổi bật phong cách trang điểm trên khuôn mặt.
- d. Làm cho người mẫu đẹp hơn.

161. Trang điểm theo phong cách preta porter là gì?

- a. Kiểu trang điểm dựa trên thời trang may sẵn.
- b. Kiểu trang điểm dựa trên thời trang cao cấp đặt may.
- c. Kiểu trang điểm dựa trên thương hiệu.
- d. Kiểu trang điểm dựa trên yêu cầu của nhà thiết kế.

178. Định nghĩa của preta porter là gì?

- a. Thời trang công sở.
- b. Thời trang học sinh.
- c. Thời trang cao cấp may sẵn.
- d. Thời trang trẻ em.

179. Đất nước thường xuyên tổ chức những show thời trang Haute Couture?

- a. London.
- b. Paris.
- c. New York.
- d. Los Angeles.

180. Ý nghĩa của từ Haute trong từ “ Haute Couture”

- a. Đặt may.
- b. Sang trọng, thượng lưu.
- c. Thời trang.
- d. Kiểu dáng.

181. Hóa trang vết bầm trên mặt không dùng những sản phẩm nào sau đây?

- a. Mút.
- b. Màu hóa trang.
- c. Plas to wax.
- d. Máu nhân tạo.

182. Khi cần hóa trang vết bỏng gồ ghề, sử dụng sản phẩm nào sau đây?

- a. 3D-Gel.
- b. Latex.
- c. Plas to wax.
- d. Da nhân tạo.

183. Hãy chọn câu trả lời đúng nhất trong phần hóa trang già?

- a. Dùng màu sáng đánh vào những đường rãnh trên mặt để tạo nếp nhăn.
- b. Dùng 3D gel đánh lên những nếp nhăn để tạo hiệu ứng rõ hơn.
- c. Dùng chì màu nâu kẻ vào đường rãnh của nếp nhăn để tạo hiệu ứng già.
- d. Đánh má hồng màu nâu ở đỉnh gò má để mặt trông già hơn.

184. Latex là sản phẩm dùng để hóa trang gì?

- a. Vết thương bị súng.
- b. Da nhăn nheo của người già.
- c. Vết thương bỏng.
- d. Vết bầm.

185. Sản phẩm nào dùng để hóa trang vết bầm tím ?

- a. 3D gel.
- b. Latex.
- c. Màu hóa trang.
- d. Máu nhân tạo.

186. Màu hóa trang sử dụng cho kỹ thuật nào ?

- a. Tạo vết thương.
- b. Tạo vết bầm.
- c. Tạo ngón tay bị đứt.

- d. Cả a, b, c đều đúng.
- 187. Sản phẩm hóa trang nào phải cần sử dụng máy sấy tóc làm khô?**
- a. Máu nhân tạo.
 - b. Plasto wax.
 - c. Water color.
 - d. Latex.
- 188. Sponge nào dùng để hóa trang vết trầy xước trên da?**
- a. Màu trắng.
 - b. Màu xanh lá.
 - c. Màu đen.
 - d. Màu đỏ.



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN PHỤ - NAIL

1. Hãy cho biết câu trả lời nào sau đây không phải là 5 hình dáng móng cơ bản mà các bạn được học?

- a. Round.
- b. Square off.
- c. Oval.
- d. Sharp.

2. Hãy cho biết ý nghĩa của Pedicure là gì?

- a. Chăm sóc lưng.
- b. Chăm sóc chân.
- c. Chăm sóc tay.
- d. Chăm sóc tóc.

3. Hãy cho biết ý nghĩa của Manicure là gì ?

- a. Chăm sóc tóc.
- b. Chăm sóc tay.
- c. Chăm sóc lưng.
- d. Chăm sóc móng.

4. Khi làm nail cho khách hàng vật dụng nào sau đây chỉ có thể sử dụng được 1 lần?

- a. Chén ngâm tay.
- b. Kê tay.
- c. Giũa giấy.
- d. Ống đựng giũa.

- 5. Hãy cho biết thời gian tối thiểu để vật dụng ngành nail được ngâm trong dung dịch khử trùng là bao lâu?**
- 10 phút
 - 8 phút
 - 5 phút
 - 3 phút
- 6. Hãy cho biết những vật dụng nào sau đây cần được ngâm vào dung dịch khử trùng sau mỗi lượt khách?**
- File stand.
 - Nail polish.
 - Cuticle nipper.
 - Emery board.
- 7. Trong những câu dưới đây, câu nào không nói về chức năng của móng?**
- Cho biết tình trạng sức khỏe.
 - Bảo vệ đầu ngón tay.
 - Thực hiện thao tác nhỏ tỉ mỉ.
 - Làm đẹp.
- 8. Trong ngành Nail, quy trình khử trùng dụng cụ được thực hiện như thế nào là đúng nhất?**
- Rửa sạch sau đó ngâm dụng cụ vào chất khử trùng.
 - Cho vào đèn UV.
 - Lau bằng cồn.
 - Rửa bằng nước.

9. Hãy cho biết yêu cầu đối với một chuyên viên ngành Nail khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng?

- a. Làm trầy xước da khách.
- b. Vệ sinh khử trùng đúng cách.
- c. Tiến hành trình tự dịch vụ tùy thích.
- d. Cố gắng phục vụ khách tốt dù mình đang bị bệnh.

10. Hãy cho biết trong những thành phần dưới đây, thành phần chính nào để cấu tạo ra móng?

- a. Canxi.
- b. Protein.
- c. Vitamin.
- d. Collagen.

11. Hãy cho biết tên y học của móng là gì?

- a. Onyx.
- b. Oniyx.
- c. Nail.
- d. Oxnyx.

12. Trong phân học chăm sóc móng, hãy cho biết móng có bao nhiêu chức năng chính?

- a. 1 chức năng.
- b. 2 chức năng.
- c. 3 chức năng.
- d. 4 chức năng.

13. Trong bài học cấu tạo móng, hãy cho biết móng của người lớn trung bình 1 tháng dài khoảng bao nhiêu?

- a. 2 mm
- b. 3mm
- c. 3.3mm
- d. 2.3mm

14. Hãy cho biết trong 4 mùa nào móng sẽ mọc nhanh hơn?

- a. Xuân đông.
- b. Hè.
- c. Đông.
- d. Đông hè.

15. Móng tay của ngón nào mọc nhanh nhất?

- a. Ngón cái.
- b. Ngón trỏ.
- c. Ngón giữa.
- d. Ngón út.

16. Móng tay của ngón nào mọc chậm nhất?

- a. Ngón cái.
- b. Ngón trỏ.
- c. Ngón giữa.
- d. Ngón út.

17. Trong cấu tạo móng, phần hình bán nguyệt có thể thấy rõ ở rễ móng có tên gọi là gì ?

- a. Nail root.
- b. Lunula.
- c. Nail fold.
- d. Nail bed.

18. Trong cấu tạo móng, hãy cho biết điểm tiếp xúc của rãnh nền móng và đường yellow line có tên gọi là gì ?

- a. Lunula.
- b. Nail root.
- c. Stress point.
- d. Free egde.

19. Trong cấu tạo móng, hãy cho biết lớp sừng có trên thân móng được sinh ra từ sừng liên móng có tên gọi là gì?

- a. Cuticle.
- b. Loose cuticle.
- c. Nail bed.
- d. Nail groove.

20. Hãy cho biết tình trạng móng bị xuất huyết trên phần thân móng có tên gọi là gì?

- a. Mold.
- b. Onychia.
- c. Bruised nail.
- d. Eggshell nail.

21. Hãy cho biết “Hangnail” là tình trạng móng bị như thế nào?

- a. Gợn sóng dọc.
- b. Xước vùng da quanh móng.
- c. Gợn sóng ngang.
- d. Xuất hiện những đốm trắng trên móng.

22. Tình trạng móng bị biến dạng do thói quen cắn móng tay có tên gọi khác bằng tiếng Anh là?

- a. Mold.
- b. Onychia.
- c. Onycholysis.
- d. Bitten nail.

23. Hãy cho biết “Onychia” là tình trạng móng bị như thế nào?

- a. Do thói quen cắn móng tay.
- b. Nhiễm trùng do nấm, làm móng bị biến dạng nhiều hình dáng.
- c. Do bị xước da quanh móng.
- d. Do chăm sóc móng không vệ sinh làm vùng da quanh móng bị sưng đỏ, chảy mủ.

24. Hãy cho biết bộ phận “Nail plate” có độ dày khoảng bao nhiêu ?

- a. 0.2 mm ~ 0.9 mm
- b. 0.4 mm ~ 0.6 mm
- c. 0.3 mm ~ 0.8 mm
- d. 0.3 mm ~ 0.9 mm

25. Trong phần cấu tạo móng bộ phận “Nail body” có cấu tạo gồm bao nhiêu lớp?

- a. 1 lớp.
- b. 2 lớp.
- c. 3 lớp.
- d. 4 lớp.

26. Hãy cho biết phần nằm dưới phần thân móng có tên gọi là gì?

- a. Nail body.
- b. Nail plate.
- c. Nail bed.
- d. Nail fold.

27. Trong phần học chăm sóc móng, hãy cho biết có bao nhiêu hình dạng móng cơ bản?

- a. 3 hình dạng.
- b. 4 hình dạng.
- c. 5 hình dạng.
- d. 6 hình dạng.

28. Trong 5 hình dáng móng cơ bản, móng có hình dáng vuông tròn thì tên gọi tiếng Anh là gì?

- a. Square.
- b. Oval.
- c. Square off.
- d. Square round.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN PHỤ- HAIR

1. Hãy cho biết những nguyên nhân chính làm cho tóc và da đầu bị dơ?

- a. Do mồ hôi trong cơ thể.
- b. Do dùng mỹ phẩm như gel, wax, keo.
- c. Do môi trường xung quanh.
- d. Tất cả câu trên đều đúng.

2. Kỹ thuật gội nào sau đây được thực hiện trước khi uốn, nhuộm?

- a. Gội sơ phối hợp massage.
- b. Gội sơ không massage.
- c. Gội kỹ phối hợp massage.
- d. Không gội chỉ massage.

3. Để gội đầu sạch tạo sự thư giãn cho khách hàng, nên tiến hành kỹ thuật gội như thế nào?

- a. Gội sơ phối hợp massage.
- b. Gội kỹ phối hợp massage.
- c. Gội kỹ không massage.
- d. Tất cả câu trên đều đúng.

4. Quy trình kỹ thuật gội đầu nào sau đây là đúng?

- a. Nở mềm ~ nhũ hóa ~ tạo bọt ~ chống bám ngược ~ xả hình thành màng bọc.
- b. Nhũ hóa ~ tạo bọt ~ nở mềm ~ chống bám ngược ~ xả hình thành màng bọc.

- c. Tạo bọt ~ chống bám ngược ~ nhũ hóa ~ nở mềm ~ xả hình thành màng bọc.
- d. Tạo bọt ~ nở mềm ~ chống bám ngược ~ xả hình thành màng bọc.

5. Đối với tóc nhiều gàu nên sử dụng dầu gội đầu nào để phù hợp?

- a. Dầu gội bổ sung dầu/ acid.
- b. Dầu gội có tính diệt khuẩn, diệt vi nấm (zinc pyrithione).
- c. Dầu gội có tẩy rửa.
- d. Dầu gội thường.

6. Loại dầu gội đầu nào dành cho tóc nhiều dầu?

- a. Dầu gội có tính bổ sung dầu/ acid.
- b. Dầu gội có tính diệt khuẩn, diệt vi nấm (zinc pyrithione).
- c. Dầu gội có tính tẩy rửa.
- d. Dầu gội thường.

7. Loại dầu gội đầu nào dành cho tóc hư tổn?

- a. Dầu gội có tính bổ sung dầu/ acid.
- b. Dầu gội có tính diệt khuẩn, diệt vi nấm (zinc pyrithione).
- c. Dầu gội có tính tẩy rửa.
- d. Dầu gội thường.

8. Loại dầu gội đầu nào dành cho tóc thường?

- a. Dầu gội có tính bổ sung dầu/ acid.
- b. Dầu gội có tính diệt khuẩn, diệt vi nấm (zinc pyrithione).
- c. Dầu gội có tẩy rửa.
- d. Dầu gội thường.

9. Hãy cho biết nhiệt độ nước trung bình khi gội đầu là bao nhiêu?

- a. 36 ~ 37 độ.
- b. 37 ~ 38 độ.
- c. 38 ~ 40 độ.
- d. 40 ~ 42 độ.

10. Hãy cho biết trong kỹ thuật đánh rối tóc thì mang lại những mục đích gì?

- a. Điều chỉnh độ phồng cho tóc, tạo độ liên kết cho mảng tóc.
- b. Làm cho tóc nhiều.
- c. Tạo phương hướng cho tóc.
- d. Tất cả câu trên đều đúng.

11. Trong kỹ thuật đánh rối làm phồng chân tóc, thì lực phân bổ như thế nào?

- a. Mạnh ở chân tóc và nhẹ dần cho đến đầu sợi tóc.
- b. Mạnh ở phần thân của mảng tóc và nhẹ dần đến đầu sợi tóc.
- c. Mạnh ở phần ngọn tóc và nhẹ dần đến phần chân tóc.
- d. Mạnh đều từ chân tóc đến đầu sợi tóc.



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN PHỤ- ESTHETIC

- 1. Cấu tạo của da bao gồm những lớp nào?**
 - a. Lớp biểu bì - Lớp sừng - Lớp đáy.
 - b. Lớp bì - Lớp màng trong suốt - Các mô dưới da.
 - c. Lớp biểu bì - Lớp bì - Các mô dưới da.
 - d. Cả (a) (b) (c) đều sai.

- 2. Tế bào nào sản xuất ra Melanin?**
 - a. Tế bào sắc tố.
 - b. Tế bào đáy.
 - c. Tế bào gai.
 - d. Tế bào sừng.

- 3. Theo Sinh lý học thì tuyến mồ hôi, tuyến nhờn, lông, móng trực thuộc cơ quan nào?**
 - a. Cơ quan thuộc lớp bì.
 - b. Cơ quan trực thuộc da.
 - c. Cơ quan trên da.
 - d. Cơ quan thuộc lớp lưới.

- 4. Nhóm nào thuộc trong những chức năng sinh lý của da?**
 - a. Chức năng bài tiết - chức năng hấp thụ - chức năng điều chỉnh thân nhiệt.
 - b. Chức năng rào cản - chức năng bảo vệ - chức năng miễn dịch.
 - c. Chức năng cảm giác - chức năng bảo vệ - chức năng sản sinh sắc tố melanin.
 - d. Cả (a) (b) (c) đều sai.

- 5. Thành phần nước được giữ lại trung bình ở lớp sừng chiếm bao nhiêu %?**
 - a. 15% - 20%
 - b. 30% - 40%
 - c. 20% - 25%
 - d. 40% - 50%

- 6. Ở da bị lão hóa, lớp bì có những biến đổi như thế nào về các sợi collagen, elastin, mạch máu?**
- Collagen giảm - Elastin biến tính tăng - Mạch máu giảm.
 - Collagen tăng - Elastin giảm - Mạch máu giảm.
 - Collagen giảm - Elastin giảm - Mạch máu tăng.
 - Collagen giảm - Elastin giảm - Mạch máu giảm.
- 7. Các biện pháp nào dưới đây là biện pháp bảo vệ da chống lại tác hại của tia cực tím?**
- Mặc quần áo che kín - Đội nón rộng vành.
 - Thoa kem chống nắng - Đeo kính râm - Che dù.
 - Cả (a) (b) đều đúng.
 - Cả (a) (b) đều sai.
- 8. Tia UVB đi xuyên qua lớp biểu bì và xuống đến khoảng bao nhiêu % lớp bì?**
- a. 15% b. 10% c. 20% d. 25%
- 9. Đặc tính của 1 làn da đẹp phải hội tụ những điều kiện nào?**
- Độ láng mịn - Độ co giãn tốt.
 - Độ đàn hồi tốt - Màu sắc da hồng hào.
 - Màu da trắng - Độ láng mịn.
 - Độ láng mịn - Độ co giãn, đàn hồi tốt - Màu sắc da hồng hào .
- 10. Cấu tạo lớp bì bao gồm những lớp nào?**
- Lớp đầu nhũ - lớp dưới đầu nhũ - lớp đáy.
 - Lớp tế bào gai - lớp đầu nhũ - lớp lưới.
 - Lớp đầu nhũ - lớp dưới đầu nhũ - lớp lưới.
 - Lớp tế bào gai - lớp đáy - lớp lưới.
- 11. Về mô dưới da, nội dung nào sau đây không đúng?**
- Các mô dưới da thì gánh vác các chức năng như chức năng giữ ẩm, chức năng dự trữ, chức năng bảo vệ tránh lực kích thích từ bên ngoài.

- b. Độ dày của các mô dưới da của nữ thường dày hơn so với của nam giới ở các vùng bụng, mông, đùi.
 - c. Các mô dưới da ở mí mắt, mũi và môi thì đặc biệt dày.
 - d. Khi Cellulite tích tụ nhiều, thì bề mặt của da sẽ trở nên sần sùi giống như vỏ quả cam.
- 12. Về cơ quan trực thuộc da, nội dung nào sau đây không đúng?**
- a. Tuyến mồ hôi Apocrine phát triển ở một số vị trí nhất định trên cơ thể sau thời gian dậy thì.
 - b. Độ pH trên bề mặt của da khỏe mạnh thì khoảng từ 4~7, tính axit yếu.
 - c. Tuyến nhờn được phân bố nhiều ở lòng bàn tay và lòng bàn chân.
 - d. Sự tiết mồ hôi của tuyến mồ hôi Eccrine gồm có tiết mồ hôi do nhiệt, tiết mồ hôi do tinh thần, tiết mồ hôi do vị giác.
- 13. Về chức năng sinh lý của da, nội dung nào sau đây không đúng?**
- a. Da có tác dụng bảo vệ cơ thể trước tia cực tím, các vi sinh vật gây bệnh.
 - b. Việc tiếp xúc với tia cực tím sẽ sản sinh vitamin A trong lớp biểu bì.
 - c. Tác dụng điều chỉnh thân nhiệt có vai trò thải ra ngoài lượng nhiệt dư thừa, chủ yếu do tuyến mồ hôi và huyết quản đảm trách.
 - d. Các mô dưới da thì dự trữ lại các chất dinh dưỡng dư thừa không được tiêu hóa hết dưới dạng chất béo dưới da.
- 14. Tác dụng của vân tay trên các đầu ngón tay là gì?**
- a. Chúng ta có thể làm những việc tỉ mỉ, khéo léo.
 - b. Giúp tiết ra chất nhờn.
 - c. Giúp tiết ra mồ hôi.
 - d. Không có tác dụng.
- 15. Cấu tạo lớp biểu bì từ ngoài vào trong bao gồm những lớp nào?**
- a. Lớp đáy, lớp gai, lớp hạt, lớp sừng.
 - b. Lớp gai, lớp hạt, lớp sừng, lớp đáy.
 - c. Lớp sừng, lớp gai, lớp hạt, lớp đáy.

d. Lớp sừng, lớp hạt, lớp gai, lớp đáy.

16. Chọn nội dung thích hợp vào chỗ trống?

Đối với vùng da ở lòng bàn tay và lòng bàn chân thì giữa lớp và lớp có thêm 1 lớp màng trong suốt nên vùng này thường thấy dày hơn.

- a. Tế bào gai / Tế bào hạt.
- b. Tế bào gai / Tế bào đáy.
- c. Tế bào sừng / Tế bào đáy.
- d. Tế bào sừng / Tế bào hạt.

17. Chọn nội dung thích hợp vào chỗ trống?

Là lớp dưới cùng của biểu bì, tiếp giáp trực tiếp với lớp bì có tác dụng nhận chất và từ lớp bì cung cấp lên nhờ các mao quản.

- a. Chất dinh dưỡng / nước.
- b. Máu / bạch huyết.
- c. Chất dinh dưỡng / O₂.
- d. CO₂ / dinh dưỡng.

18. Về lớp đáy của da, nội dung nào sau đây không đúng?

- a. Lớp đáy có hình gợn sóng.
- b. Quá trình phân bào diễn ra không liên tục nên dẫn tới tế bào luôn được hình thành.
- c. Lớp đáy tiếp giáp với lớp bì của da.
- d. Lớp đáy là lớp dưới cùng của lớp biểu bì.

19. Số lượng tế bào tạo sắc tố của da là bao nhiêu?

- a. 1000 - 1200
- b. 800 - 1300
- c. 1000 - 1500
- d. 1500 - 1700

20. Chọn câu đúng nhất?

- a. Lớp hạt được các tế bào đáy phân hóa và biến đổi trực tiếp tạo thành.
- b. Hạt tiền sừng có tính phản chiếu như gương.
- c. Các axit amino được phân giải tạo thành NMF (yếu tố giữ ẩm tự nhiên).

d. Nhờ vào chất mỡ và Keratin mà da có tác dụng chống tia cực tím và giữ ẩm.

21. Chọn nội dung thích hợp vào chỗ trống?

Các TB khi di chuyển lên đến thì mất nhân và tiếp tục 1 thời gian nữa thì và tự bong tróc ra.

- a. Ngoài cùng / chết.
- b. Lớp sừng / già.
- c. Lớp hạt / già.
- d. Lớp sừng / yếu đi.

22. Da có tác dụng giữ ẩm, rào cản ngăn các chất bên ngoài thấm vào cơ thể là nhờ chất gì?

- a. Keratin.
- b. Chất mỡ.
- c. NMF.
- d. Cả (a) (b) (c) đều đúng.

23. Quá trình sừng hóa bắt đầu từ lớp nào?

- a. Lớp sừng.
- b. Lớp bì.
- c. Lớp đáy.
- d. Dưới lớp đáy.

24. Turnover diễn ra trong bao nhiêu ngày?

- a. 27
- b. 30
- c. 29
- d. 28

25. Quá trình “Sừng hóa quá độ” thì da có những vấn đề phát sinh nào?

- a. Da khô và thô ráp.
- b. Da mất trơn láng và sáng bóng do bị dày lên.
- c. Da mềm mại, láng mịn.
- d. Da đàn hồi và cứng.

26. Lượng nhờn tiết ra trung bình một ngày trên da là bao nhiêu gram?

- a. 3 ~ 5 gram.
- b. 5 ~ 10 gram.
- c. 2 ~ 3 gram.
- d. 1 ~ 2 gram.

27. Kí hiệu nào sau đây là của da thường?

- a. N
- b. O
- c. D
- d. DO

28. Kí hiệu nào sau đây là của da khô?

- a. O b. N c. DO d. D

29. Đặc tính nào là đặc tính của loại da DO?

- a. Trên khuôn mặt thấy da mỏng ở vùng chữ T và dày ở vùng chữ U.
b. Trên khuôn mặt thấy da sậm ở vùng chữ U và sáng ở vùng chữ T.
c. Trên khuôn mặt thấy dầu nhiều ở vùng chữ T và dầu ít ở vùng chữ U.
d. Trên khuôn mặt thấy nhờn nhiều ở vùng chữ U và khô ở vùng chữ T.

30. Biện pháp chăm sóc da khô nào dưới đây là đúng?

- a. Gây kích thích mạnh cho da.
b. Sử dụng mỹ phẩm với tác dụng dưỡng ẩm cao cho da.
c. Tẩy tế bào chết thường xuyên.
d. Dùng mặt nạ dạng lột.

